

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 25/2022/DSST

Ngày : 04/3/2022

Vụ án: “T/C hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Xuân Ánh**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Ngọc Bích**

2. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phan Thị Ngọc Diệp** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 298/2021/TLST-DS ngày 18/10/2021, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Trang Nh**, sinh năm 1992;

ĐKTT: Số 338, ấp Hòa Đức, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

Địa chỉ: Số 148, Lý Thái Tổ, phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. (Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Ông **Huỳnh Minh T**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số 106, đường Mậu Thân, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị Trang Nh trình bày:

Do quen biết qua bạn bè giới thiệu, nên vào ngày 02/10/2020, bà có thỏa thuận cho ông Huỳnh Minh T vay số tiền là 400.000.000 đồng, để kinh doanh, thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng, về lãi suất ông Tuấn tự đưa ra là 24.000.000 đồng/tháng, tức 6%/tháng. Việc vay hai bên có làm hợp đồng vay tiền dưới hình thức góp vốn, ký cùng ngày 02/10/2020. Tuy nhiên sau khi vay tiền, ông Tuấn chỉ thanh toán tiền lãi

một lần được 24.000.000 đồng.

Tiếp tục vào ngày 06/11/2020 ông Tuấn nói đang cần tiền lấy hàng về bán, nên vay thêm 300.000.000 đồng, thỏa thuận thời gian vay 01 tháng, thỏa thuận lãi suất 18.000.000 đồng/tháng, tức 6%/tháng, việc vay hai bên cũng làm văn bản dưới hình thức là hợp đồng góp vốn, lần vay này cũng chỉ trả lãi được một lần là 18.000.000 đồng.

Sau hai lần vay cho đến nay, bị đơn ông Tuấn đã không tiếp tục thanh toán tiền lãi hàng tháng và cũng không trả vốn khi đến hạn mà đã trốn tránh không liên lạc được.

Nay nguyên đơn bà Nhã yêu cầu bị đơn ông Tuấn phải có trách nhiệm trả số nợ vốn là 700.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, tính từ tháng 12/2020 cho đến khi trả xong số nợ trên.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Minh T mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần thông báo phiên họp công khai chứng cứ, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa bằng phương thức niêm yết, nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án không thu thập được lời khai, cũng như không tiến hành hòa giải vụ án được theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Trang Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông Huỳnh Minh T phải trả lại nợ gốc là 700.000.000 đồng và phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật, đồng ý trừ lại số tiền lãi đã nhận trước và tính lãi theo cách tính tròn tháng, không yêu cầu các ngày lẻ.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Đối với Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng theo Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đã xác định đúng về thẩm quyền theo loại việc, theo cấp xét xử và lãnh thổ; về quan hệ pháp luật tranh chấp là đúng; xác định đúng tư cách đương sự; việc thu thập chứng cứ, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định.

Đối với Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự thủ tục điều khiển tại phiên tòa.

Đối với các đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành theo triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số nợ vốn 700.000.000 đồng và phải trả lãi suất trong hạn và quá hạn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn cư trú tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Minh T qua xác minh được Công an phường An Phú, quận Ninh Kiều xác định ông Tuấn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 106, đường Mậu Thân, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, địa chỉ này cũng là địa chỉ mà ông Tuấn ghi trong hợp đồng vay tiền, nhưng hiện đã bán nhà từ tháng 10/2020, không còn sinh sống tại địa phương. Do đó Tòa án đã tiến hành tổng đạt bằng phương thức niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần theo quy định tại Khoản 5 Điều 177; Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đương sự vắng mặt. Nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2]. Qua yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy :

Nguyên đơn bà Phạm Thị Trang Nh khởi kiện bị đơn ông Huỳnh Minh T đòi lại số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng trong hợp đồng vay tài sản, đã cung cấp được chứng cứ là 02 hợp đồng vay tiền bằng hình thức hợp đồng góp vốn ngày 02/10/2020 và ngày 06/11/2020 bản gốc, do ông Huỳnh Minh T nhận nợ và ký tên. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo hòa giải cho ông Tuấn bằng phương thức niêm yết đúng quy định. Ngoài ra theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định *“Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới”*. Việc ông Tuấn sau khi vay nợ của nguyên đơn bà Nhã đã bỏ địa phương đi, thay đổi nơi cư trú mới, (địa chỉ này đã được ghi trong hợp đồng vay tiền), khi chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ và không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn là thuộc trường hợp giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ. Mặc khác vào tháng 4/2021 nguyên đơn bà Phạm Thị Trang Nh có gửi đơn yêu cầu hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Tại biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 08/4/2021 do Hòa giải viên lập tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều có sự tham gia của ông Huỳnh Minh T, ông cũng thống nhất thừa nhận còn nợ bà Nhã 700.000.000 đồng, nên căn cứ Khoản 1, 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây cũng là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, mặc dù trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay không thu thập được lời khai của bị đơn ông Tuấn, nhưng với những căn cứ như đã phân tích nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn do đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Về lãi suất, hiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả lãi suất theo quy định của pháp luật, tính từ tháng 12/2020 cho đến khi trả xong số nợ trên. Xét thấy về lãi suất, căn cứ hợp đồng vay tiền và qua lời trình bày của nguyên đơn, thì giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng vay tài sản với nhau, thuộc loại hợp đồng vay có kỳ hạn và có thỏa thuận lãi suất, được điều chỉnh theo Điều 470 của Bộ luật dân sự, nên bị đơn phải có trách nhiệm trả vốn, lãi theo kỳ hạn mà các bên đã thỏa thuận.

Về mức lãi suất, căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự có quy định các bên có quyền thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng vay tài sản nhưng không được vượt quá 20%/năm. Xét thấy, việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất cho vay là 6%/tháng, tức 72%/năm là vượt quá quy định của Bộ luật dân sự, nên cần điều chỉnh

lại mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự để buộc bị đơn trả. Ngoài ra căn cứ Khoản 5 Điều 468 Bộ luật dân sự có quy định nếu bên vay không trả đúng hạn hoặc trả không đầy đủ thì còn phải chịu lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn. Do đó thấy rằng căn cứ biên nhận nợ các bên có thỏa thuận thời hạn trả sau cùng là tháng 12/2020, nên từ thời gian này trở đi phải tính lãi suất quá hạn. Cụ thể tính từ tháng 12/2020 đến hôm nay như sau:

-Khoản vay 400.000.000 đồng x 20%/năm (tức 1,66%/tháng) x 03 tháng (lãi trong hạn từ tháng 02/10/2020 đến tháng 02/01/2021) = 19.920.000 đồng (1)

+ Lãi quá hạn từ tháng 03/01/2021 đến ngày xét xử tính tròn 14 tháng là

400.000.000 đồng x 30%/năm (2,5%/tháng lãi quá hạn) x 14 tháng = 140.000.000 đồng (2)

- Khoản vay 300.000.000 đồng x 20%/năm (1,66%/tháng) x 01 tháng (Lãi trong hạn từ 06/11/2021 đến 06/12/2021) = 4.980.000 đồng. (3)

+ Lãi quá hạn từ tháng 07/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn 14 tháng =

300.000.000 đồng x 30%/năm (tức 2,5%/tháng lãi quá hạn) x 14 tháng = 105.000.000 đồng. (4)

Tổng cộng lãi (1) + (2) + (3) +(4) = **269.900.000** đồng trừ đi 42.000.000 đồng đã trả lãi, số tiền còn lại bị đơn phải trả là 227.900.000 đồng. Ngoài ra bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi theo mức 20%/năm cho đến khi thi hành án xong.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về ý kiến phát biểu nhận xét việc chấp hành Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, của các đương sự và đề nghị nội dung giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Trang Nh

- Buộc bị đơn ông Huỳnh Minh T phải có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Trang Nh số tiền nợ vốn **700.000.000 đồng** và nợ lãi **227.900.000 đồng**. Tổng cộng vốn, lãi là **927.900.000 đồng** (Chín trăm hai mươi bảy triệu, chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, mà bị đơn chưa trả số tiền trên, thì còn phải chịu lãi suất trên nợ gốc theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm : Bị đơn ông Huỳnh Minh T phải nộp **39.837.000** đồng (Ba mươi chín triệu, tám trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Trang Nh được nhận lại tiền tạm ứng án phí **16.000.000** đồng (Mười sáu triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001234, ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND quận Ninh Kiều;
- Chi cục THADS quận Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

BÙI XUÂN ÁNH